

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30/5/2019

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Vinh

2. Ông Ngô Văn Lâm

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiên Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06 /2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐT-HNGĐ ngày 14/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Ngô Hữu C**, sinh năm 1979.

Bị đơn : **Chị Võ Thị S**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên họp và tại phiên tòa nguyên đơn anh Ngô Hữu C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị S tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào ngày 27/4/2012. Sau khi kết hôn anh và chị S vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Sau đó chị S ở lại làm ăn trong Thành phố còn anh C về quê quảng Ngãi sinh sống. Thời gian này hai vợ chồng anh ít sống gần nhau. Sau khi sinh đứa con thứ hai thì anh C đi làm ăn trong miền Nam còn chị S thì ở quê. Vì công việc của anh là đi làm ăn xa nên chị S vợ anh nghi ngờ anh ngoại tình nên từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh đi suốt ngoài đường không có về nhà. Vì bất mãn với chị S nên anh không có quan tâm lo lắng gì đến hai đứa con. Anh C thừa nhận công việc của anh thường đi ngoài đường nên anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ bên ngoài. Nay anh thấy tình cảm của anh và chị S đã rạn nứt, không thể chung sống cùng nhau. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị S.

Về con chung: Có 02 con chung: Ngô Võ Gia K, sinh ngày 02/01/2011 và Ngô Võ Gia H, sinh ngày 25/6/2015. Hiện nay hai con đang ở với chị S.

Khi ly hôn, anh C yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Ngô Võ Gia K, sinh ngày 02/01/2011. Chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Ngô Võ Gia H, sinh ngày 25/6/2015. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Võ Thị S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh C về quan hệ hôn nhân, con chung. Giữa chị và anh C không có mâu thuẫn gì. Anh C không chịu quan tâm đến gia đình là do anh C có người phụ nữ bên ngoài nên bỏ bê vợ con. Sự việc này chị đã gặp người phụ nữ kia để nói chuyện nhưng chị không có tài liệu chứng cứ để giao nộp cho Tòa án. Hai năm gần đây anh C thường đi làm ăn xa nửa năm mới về một lần, anh C có gởi tiền về cho chị lo cho con nhưng rất ít. Từ khi anh C đi chị một mình nuôi và chăm sóc hai con. Vì con trai bị bệnh và chị còn tình cảm với anh C nên chị không muốn ly hôn. Anh C muốn đi đâu thì cứ đi nhưng chị cương quyết không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị thống nhất vợ chồng có hai con Ngô Võ Gia K, sinh ngày 02/01/2011 và Ngô Võ Gia H, sinh ngày 25/6/2015. Hiện nay hai con đang do chị S chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu giải quyết về con. Nhưng nếu Tòa án có giải quyết ly hôn thì chị S không đồng ý để anh C nuôi con vì lâu nay anh C không làm tròn trách nhiệm của người cha.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã E, huyện R. Về phía địa phương cung cấp thông tin anh C và chị S có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện R. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị S và anh C như thế nào thì địa phương không nắm rõ vì không nghe chị S báo gì với địa phương. Hiện nay chị S đang sống tại thôn Q, xã E cùng với hai con trong đó có một cháu bị bệnh đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, còn anh C thì ở miền nam.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chấp hành tốt, nguyên đơn chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật: vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: giữa anh C và chị S yêu thương tự nguyện đến với nhau. Từ khi kết hôn đến nay không có gì mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ khi anh C có tình cảm với người phụ nữ khác. Trong quá trình chung sống anh C thường xuyên đi làm ăn xa, không chăm lo cho gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên đã kiếm có gây sự với chị S. Chị S ở nhà một mình nuôi hai con chu đáo đã làm tròn trách nhiệm của người vợ. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình anh C đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng. Để bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 5 luật HNGĐ, cần bác đơn khởi kiện của anh C về yêu cầu xin ly hôn với chị S.

Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C đối với chị S. Do vấn đề xin ly hôn không được chấp nhận nên không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung. Án phí dân sự sơ thẩm: anh C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện R thụ lý, giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào năm 2012. Do vậy hôn nhân giữa anh C và chị S là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C thì thấy: Anh C và chị S đều thừa nhận tự nguyện tìm hiểu rồi đến với nhau. Cuộc sống hai vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2014 sau khi sinh đứa con thứ hai thì chị S ở quê, còn anh C đi làm ăn xa từ đó hai vợ chồng ít gặp nhau. Mặt khác chị S nghi ngờ anh C có người phụ nữ khác nên vợ chồng cãi nhau. Anh C cũng thừa nhận anh đi làm ăn ngoài đường nên có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác do đó ít quan tâm đến vợ và con. Xét thấy, chị S ở nhà một mình nuôi hai con, anh C đi làm ăn xa nhưng không có quan tâm lo lắng cho vợ và con trong khi cháu Ngô Võ Gia K lại bị bệnh, phải hưởng trợ cấp xã hội. Điều đó chứng tỏ anh S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giữa vợ chồng, vi phạm tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình. Do đó anh C khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị S là không có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Để bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ngô Hữu C đối với chị Võ Thị S.

[3] Về con chung: Anh C và chị S đều thống nhất vợ chồng có hai con Ngô Võ Gia K, sinh ngày 02/01/2011 và Ngô Võ Gia H, sinh ngày 25/6/2015. Hiện nay hai con đang do chị S chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì Hội đồng xét xử không chấp nhận cho ly hôn nên không giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[5] Từ những phân tích và nhận định, đánh giá như trên, đề nghị của Kiểm sát viện tại phiên toà về việc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C phải chịu án phí về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các Điều 5, 19, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ngô Hữu C đối với chị Võ Thị S.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Ngô Hữu C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004306 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu: hs, vt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diệu